

CHỈ SỐ CÔNG TỜ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1

Tháng 10/2015

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.726	3.773				
2	102	8	4.533	4.725	192	1.965	377.203	
3	103	8	5.734	5.829	95	1.965	186.637	
4	104	8	4.313	4.426	113	1.965	222.000	
5	105	8	4.434	4.595	161	1.965	316.301	
6	106	8	3.877	3.966	89	1.965	174.849	
7	107	PSHC	1.701	1.725			0	
8	108		1.728	1.761			0	
9	109	7	2.236	2.321	85	1.965	166.991	
10	110	8	3.043	3.182	139	1.965	273.079	
11	111	8	2.725	2.833	108	1.965	212.177	
12	112	8	4.600	4.703	103	1.965	202.354	
13	113	8	3.598	3.673	75	1.965	147.345	
14	114	8	4.330	4.421	91	1.965	178.779	
15	201	8	2.639	2.748	109	1.965	214.141	
16	202	4	4.990	5.073	83	1.965	163.062	
17	203	8	3.743	3.960	217	1.965	426.318	
18	204	6	6.855	7.003	148	1.965	290.761	
19	205	8	5.064	5.173	109	1.965	214.141	
20	206	8	5.004	5.125	121	1.965	237.717	
21	207	5	3.013	3.108	95	1.965	186.637	
22	208	8	5.272	5.389	117	1.965	229.858	
23	209	8	5.092	5.103	11	1.965	21.611	
24	210	8	5.549	5.656	107	1.965	210.212	
25	211	8	4.998	5.071	73	1.965	143.416	
26	212	8	6.204	6.292	88	1.965	172.885	
27	213	8	6.109	6.206	97	1.965	190.566	
28	214	8	5.708	5.781	73	1.965	143.416	
29	301	1 SV ăn độ	4.739	4.999	260	1.965	510.796	
30	302	8	5.968	6.052	84	1.965	165.026	
31	303	7	5.577	5.671	94	1.965	184.672	
32	304	8	4.727	4.764	37	1.965	72.690	
33	305	8	5.659	5.839	180	1.965	353.628	
34	306	7	4.722	4.828	106	1.965	208.248	
35	307	PSHC	819	848		1.965	0	
36	308		637	660		1.965	0	
37	309	8	4.888	5.018	130	1.965	255.398	

38	310	8		6.183	6.259	76	1.965	149.310	
39	311	8		3.516	3.585	69	1.965	135.557	
40	312	8		4.549	4.643	94	1.965	184.672	
41	313	8		5.257	5.356	99	1.965	194.495	
42	314	8		5.897	5.957	60	1.965	117.876	
43	401	8		3.520	3.661	141	1.965	277.009	
44	402	8		4.147	4.290	143	1.965	280.938	
45	403	8		3.141	3.275	134	1.965	263.256	
46	404	8		3.295	3.381	86	1.965	168.956	
47	405	2		4.372	4.471	99	1.965	194.495	
48	406	8		6.410	6.495	85	1.965	166.991	
49	407	8		5.765	5.877	112	1.965	220.035	
50	408	8		3.867	4.007	140	1.965	275.044	
51	409	7		5.375	5.556	181	1.965	355.593	
52	410	8		3.408	3.567	159	1.965	312.371	
53	411	8		4.638	4.711	73	1.965	143.416	
54	412	8		5.921	5.978	57	1.965	111.982	
55	413	8		3.719	3.801	82	1.965	161.097	
56	414	8		4.625	4.737	112	1.965	220.035	
57	501	7		2.604	2.726	122	1.965	239.681	
58	502	8		4.515	4.576	61	1.965	119.841	
59	503	8		1.922	2.000	78	1.965	153.239	
60	504	8		2.899	3.110	211	1.965	414.531	
61	505	8		3.081	3.239	158	1.965	310.407	
62	506	1	SVNN TT	4.130	4.226	96	1.965	188.602	
63	507	1	CPC	2.823	2.997	174	1.965	341.840	
64	508	1	SVNN TT	8.025	8.622	597	1.965	1.172.866	
65	509	1	SVNN TT	4.727	4.981	254	1.965	499.008	
66	510	8		3.639	3.761	122	1.965	239.681	
67	511	8		6.224	6.342	118	1.965	231.823	
68	512	8		3.237	3.315	78	1.965	153.239	
69	513	8		3.061	3.148	87	1.965	170.920	
70	514	8		4.682	4.763	81	1.965	159.133	
	Cộng	465				7.829		15.380.853	

(Bảng chữ: Mười năm triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm năm mươi ba đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 14.192.252 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà